

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 55/2019/DS-PT

Ngày 16/4/2019

“V/v: Tranh hợp đồng tín dụng”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huân.
Các thẩm phán: Bà Lưu Thị Thu Hương và ông Nguyễn Văn Bằng.
- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Quang Hùng là Thư ký Tòa án.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:
Ông Phan Văn Hoàn- Kiểm sát viên.

Mở phiên tòa ngày 16/4/2019, tại trụ sở TAND tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:60/2019/TLPT-DS ngày 19/02/2019 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2018/DS-ST ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 99/2019/QĐXXPT-DS ngày 27/3/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng X.

Địa chỉ: Lầu 8, Tòa nhà V, số 72 đường L, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền khởi kiện: Ông C; Chức vụ- Giám đốc Chi nhánh B1 (theo văn bản ủy quyền 29/12/2017)

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông T; Chức vụ- Trưởng Phòng khách hàng cá nhân của Chi nhánh B1 - Có mặt (theo văn bản ủy quyền ngày 18/9/2018).

Địa chỉ: Số 114- 116 đường P, phường T1, thành phố B1, tỉnh Đắk Lắk

Bị đơn: Ông Phan Hồng A và bà Phạm Thị Hồng V1- Có mặt

Địa chỉ: Số 16 đường H, tổ dân phố T2, phường T1, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 16/7/2018 và quá trình tham gia giải quyết vụ án, nguyên đơn là Ngân hàng X (sau đây gọi tắt là E) trình bày: Ngày 25/02/2016, vợ chồng ông Phan Hồng A, bà Phạm Thị Hồng V1 ký hợp đồng tín dụng số:1201-LVA-201600264 với E Chi nhánh B1, vay Ngân hàng 540.000.000đ; thời hạn vay 48 tháng;

lãi suất cho vay 10,5%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay; Mục đích sử dụng vốn vay là tiêu dùng trong gia đình.

Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả khoản tiền vay nêu trên, ngày 24/02/2016, vợ chồng ông A, bà V1 ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số:154/2016/EIBBMT-HĐTC với E Chi nhánh B1, thế chấp cho Ngân hàng 06 thửa đất: Thửa đất số 198, tờ bản đồ số 37, tại phường T1, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông A, bà V1 số BU 033427 ngày 11/02/2015.

Thửa đất số 122, tờ bản đồ số 37, tại xã E1, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phan Hồng A, số BO 656022 ngày 21/5/2013.

Thửa đất số 129, tờ bản đồ số 37, tại xã E1, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phan Hồng A, số BO 656021 ngày 21/5/2013.

Thửa đất số 123, tờ bản đồ số 37, tại xã E1, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phan Hồng A, số BO 656023 ngày 21/5/2013.

Thửa đất số 116, tờ bản đồ số 37, tại xã E1, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị H1, số BQ 594504 ngày 05/3/2014, được chuyển nhượng cho ông Phan Hồng A ngày 03/02/2015.

Thửa đất số 89, tờ bản đồ số 36, tại xã E1, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phan Hồng A, số BO 656024 ngày 21/5/2013.

Giá trị tài sản thế chấp hai bên tạm tính 845.000.000đ; nghĩa vụ bảo đảm của bên vay là 540.000.000đ.

Ngày 12/5/2017, vợ chồng ông Phan Hồng A, bà Phạm Thị Hồng V1 ký hợp đồng tín dụng số:1201-LVA-201700883 với E Chi nhánh B1, vay Ngân hàng 80.000.000đ; thời hạn vay 36 tháng; lãi suất cho vay 10%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay; Mục đích sử dụng vốn vay là tiêu dùng trong gia đình.

Ngày 11/5/2017, hai bên ký phụ lục hợp đồng số:138/2017/EIBBMT-PLHĐTC nâng tổng nghĩa vụ bảo đảm của bên vay là 565.000.000đ và nâng giá trị tài sản thế chấp là 979.000.000đ.

Quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng: Ngay sau khi các hợp đồng tín dụng được ký kết, Ngân hàng đã giải ngân cho vợ chồng ông A vay 620.000.000đ theo đúng số tiền vay của hai hợp đồng. Tính đến ngày 16/7/2018, vợ chồng ông A đã trả cho ngân hàng 55.000.000đ tiền nợ gốc của hợp đồng tín dụng số 201600264 và tiền lãi của hai hợp đồng tín dụng là 122.789.499đ. Số tiền nợ gốc còn lại của hai hợp đồng là 565.000.000đ và tiền lãi 25.675.062đ, vợ chồng ông A không trả.

Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc vợ chồng ông A, bà V1 phải trả cho Ngân hàng 565.000.000đ tiền nợ gốc, 25.675.062đ tiền lãi tính đến ngày 16/7/2018 và lãi suất phát sinh trên số tiền nợ gốc, theo mức lãi suất của các hợp

đồng tín dụng tính từ ngày 17/7/2018, đồng thời xử lý tài sản thế chấp để Ngân hàng thu hồi nợ gốc và lãi.

Quá trình tham gia giải quyết vụ án, bị đơn là ông Phan Hồng A trình bày: Về các thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, được ký kết giữa vợ chồng ông và E Chi nhánh B1, đúng như nguyên đơn đã trình bày; Ông thừa nhận tính đến ngày 16/7/2018, vợ chồng ông còn nợ Ngân hàng 565.000.000đ tiền nợ gốc và 25.675.062đ tiền lãi; do khó khăn về kinh tế, nên vợ chồng ông chưa trả được cho Ngân hàng số tiền gốc đã vay và tiền lãi.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Phạm Thị Hồng V1 từ chối đến Tòa án tham gia tố tụng.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2018/DS-ST ngày 29/11/2018 của TAND thị xã B đã căn cứ: Điều 144, Điều 147, Điều 205, Điều 207, Điều 208, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS; Điều 299, Điều 317, Điều 320, Điều 321, Điều 322, Điều 323, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Án lệ số:11/2017/AL ngày 14/12/2017, của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao; Nghị quyết số:326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng X.

Buộc ông Phan Hồng A, bà Phạm Thị Hồng V1 phải trả cho Ngân hàng X Chi nhánh B 1565.000.000đ tiền nợ gốc và 25.675.062đ tiền lãi tính hết ngày 16/7/2018; Tổng cộng 590.675.062đ và lãi suất phát sinh tính từ ngày 17/7/2018, cho đến khi thanh toán hết nợ, theo mức lãi suất trong hợp đồng tín dụng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn xử lý tài sản thế chấp, quyết định án phí và tuyên quyền kháng cáo.

Ngày 03/01/2019, bị đơn là ông Phan Hồng A có đơn kháng cáo với lý do: Do khó khăn về kinh tế, nên vợ chồng ông không thể trả một lần cho Ngân hàng tiền nợ gốc và tiền lãi, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử cho vợ chồng ông được trả dần cho Ngân hàng đến năm 2022.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk cho rằng: Kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa phúc thẩm, thẩm phán chủ tọa phiên tòa và hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng thực hiện được thực đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Xét yêu cầu kháng cáo của ông Phan Hồng A, đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk xét thấy: Đến hạn phải trả cho Ngân hàng số tiền đã vay nhưng vợ chồng ông A không trả đủ cho Ngân hàng số tiền gốc đã vay cùng với lãi suất, là vi phạm hợp đồng tín dụng, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phan Hồng A, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; Bị đơn không rút đơn kháng cáo; Các đương sự không tự hòa giải được với nhau về việc giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết.

[2] Xét đơn kháng cáo của bị đơn còn trong hạn luật định, nên hợp lệ.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Hợp đồng tín dụng số 201600264 ngày 25/02/2016 và hợp đồng tín dụng số 201700883 ngày 12/5/2017, được ký kết giữa E Chi nhánh B1 và vợ chồng ông Phan Hồng A, bà Phạm Thị Hồng V1; Các chủ thể tự nguyện tham gia ký kết hợp đồng; Mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên hợp đồng hợp pháp, có hiệu lực.

[3] Quá trình thực hiện hợp đồng: Ngay sau khi các hợp đồng tín dụng được ký kết, E đã giải ngân cho vợ chồng ông A, bà V1 vay 620.000.000đ, theo đúng nội dung của hợp đồng; Ông A thừa nhận tính đến ngày 16/7/2018, vợ chồng ông chỉ trả cho Ngân hàng 55.000.000đ tiền nợ gốc và 122.789.499đ tiền lãi suất; hiện tại vợ chồng ông còn nợ Ngân hàng 565.000.000đ tiền nợ gốc và 25.675.062đ tiền lãi.

[4] Vợ chồng ông A chưa trả đủ và đúng hạn cho Ngân hàng số tiền gốc đã vay và tiền lãi xuất, là vi phạm hợp đồng tín dụng, vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử buộc vợ chồng ông A, bà V1 phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và tiền lãi chưa trả, là có căn cứ, đúng pháp luật. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Phan Hồng A, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng của ông Phan Hồng A không được chấp nhận, ông A phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn là ông Phan Hồng A, giữ nguyên bản án sơ thẩm

Căn cứ: Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Hợp đồng tín dụng số 201600264 ngày 25/02/2016 và hợp đồng tín dụng số 201700883 ngày 12/5/2017, được ký kết giữa E Chi nhánh B1 và vợ chồng ông Phan Hồng A, bà Phạm Thị Hồng V1; Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng X.

1. Buộc ông Phan Hồng A và bà Phạm Thị Hồng V1, phải trả cho Ngân hàng X Chi nhánh B1 565.000.000đ tiền nợ gốc và 25.675.062đ tiền lãi tính hết ngày 16/7/2018; Tổng cộng 590.675.062đ và lãi suất phát sinh trên số tiền nợ gốc, tính từ

ngày 17/7/2018 cho khi thanh toán hết số tiền nợ gốc, theo mức lãi suất trong hợp đồng tín dụng.

2. Về án phí phúc thẩm: Ông Phan Hồng A phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm; được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai số 0011354 ngày 11/02/2019, của Chi cục thi hành án dân sự thị xã B.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Huồn

